

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN DƯƠNG  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 15-9-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Liên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Thế Anh

Ông Đỗ Văn Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị N; nơi cư trú: Thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Vũ Văn T; nơi cư trú: Thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong Đơn khởi kiện ngày 18 tháng 5 năm 2022 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Vũ Văn T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện A (nay là huyện A), thành phố Hải Phòng vào ngày 01 tháng 01 năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc được khoảng hai năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, do anh T

chơi cờ bạc, uống rượu say, chị khuyên can thì bị anh T đánh đuổi khỏi nhà nhiều lần. Do mâu thuẫn vợ chồng nên vào năm 2021 chị đã hai lần nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh T tại Tòa án nhân dân huyện An Dương nhưng do anh T xin lỗi chị và vì con chung nên chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn. Nhưng sau đó anh T không thay đổi, vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, đến đầu năm 2022 anh T đánh đuổi chị khỏi nhà. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị và anh T đã sống ly thân, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn T.

Về con chung: Chị và anh Vũ Văn T có ba con chung là Vũ Văn N, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2002, Vũ Văn T, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2006 và Vũ Minh K, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2015. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung Vũ Văn T và Vũ Minh K cho chị nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Vũ Văn N đã trưởng thành nên chị để con tự quyết định cuộc sống của mình.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do và không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã vi phạm các quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự khi không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 47; các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Vũ Văn T. Về con chung: Giao con chung Vũ Văn T và Vũ Minh K cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị N khởi kiện ly hôn với anh Vũ Văn T, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Vũ Văn T

hiện đang cư trú tại thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ **khoản 2 Điều 227**; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: Chị Phạm Thị N và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện A (nay là huyện A), thành phố Hải Phòng vào ngày 01 tháng 01 năm 2002, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra xô xát, đánh cãi nhau, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân không ai còn quan tâm và có trách nhiệm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị N có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Vũ Văn T có ba con chung là Vũ Văn N sinh ngày 09 tháng 11 năm 2002, Vũ Văn T sinh ngày 10 tháng 6 năm 2006 và Vũ Minh K sinh ngày 24 tháng 01 năm 2015. Ly hôn chị N có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung Vũ Văn T và Vũ Minh K cho chị nuôi dưỡng, anh T không có quan điểm về việc nuôi con. Xét việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn là trách nhiệm và nghĩa vụ của cha mẹ. Anh T không có quan điểm về việc nuôi con, hiện chị N có công việc và thu nhập ổn định, các con chung có nguyện vọng được ở với chị N. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của các con nên chấp nhận yêu cầu của chị N về việc nuôi con chung, giao con chung Vũ Văn T và Vũ Minh K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với con chung Vũ Văn N đã đủ 18 tuổi nên tự quyết định cuộc sống của mình.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, anh T không có quan điểm về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, **khoản 2 Điều 227**, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N được ly hôn anh Vũ Văn T.
2. Về con chung: Giao hai con chung Vũ Văn T, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2006 và Vũ Minh K, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2015 cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con chung Vũ Văn N sinh ngày 09 tháng 11 năm 2002 đã đủ 18 tuổi nên tự quyết định cuộc sống của mình.
- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về việc cấp dưỡng và tài sản chung: Không giải quyết.
4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Phạm Thị N đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004219 ngày 05/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.
6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, T.P Hải Phòng;
- UBND xã L, huyện A, T.P Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Liên**